

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29.3.2021

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

2. Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ – tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 594/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Ngọc T**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: tổ X, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Bá C**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: tổ X, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn Bá C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại tổ T, Phường Y, thành phố Đ. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu dù khó khăn về kinh tế nhưng vẫn hòa thuận hạnh phúc. Từ cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không lo làm ăn kinh tế, đam mê

bài bạc, không có trách nhiệm với gia đình, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ và tạo cơ hội cho anh C sửa chữa nhưng anh C vẫn không thay đổi. Vì vậy, từ đầu năm 2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Bá C.

Về con chung, chị và anh C có 03 con chung là Nguyễn Huỳnh Đức T, sinh ngày 25/3/2007; Nguyễn Huỳnh Tài Tr, sinh ngày 04/5/2009 và Nguyễn Huỳnh Như Y, sinh ngày 23/11/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 03 con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, chị yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn anh Nguyễn Bá C đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do và anh C cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình để gửi cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh C vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh C. Về con chung, chị có nguyện vọng được nuôi 03 con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu.

Anh Nguyễn Bá C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh C. Về con chung, giao con Nguyễn Huỳnh Đức T, sinh ngày 25/3/2007; Nguyễn Huỳnh Tài Tr sinh ngày 04/5/2009 và Nguyễn Huỳnh Như Y, sinh ngày 23/11/2011 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét. Nợ chung, không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Bá C đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh C và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn còn anh C vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng do anh C không chăm lo cho cuộc sống chung của vợ chồng, không có trách nhiệm với gia đình. Do mâu thuẫn kéo dài nên cả hai vợ chồng đã tự sống ly thân nhau, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh C được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trâm và anh Châu có 03 con chung là Nguyễn Huỳnh Đức T, sinh ngày 25/3/2007; Nguyễn Huỳnh Tài Tr, sinh ngày 04/5/2009 và Nguyễn Huỳnh Như Y, sinh ngày 23/11/2011. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, hiện nay 03 con còn nhỏ, đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao 03 con chung là Nguyễn Huỳnh Đức T, sinh ngày 25/3/2007; Nguyễn Huỳnh Tài Tr, sinh ngày 04/5/2009 và Nguyễn Huỳnh Như Y, sinh ngày 23/11/2011 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung, không có. Vì vậy, không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Nguyễn Bá C được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Huỳnh Đức T, sinh ngày 25/3/2007; Nguyễn Huỳnh Tài Tr, sinh ngày 04/5/2009 và Nguyễn Huỳnh Như Y, sinh ngày 23/11/2011 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003156 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND Phường Y, tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Ngọc